

PHÂN TÍCH ĐẠO
(*PATISAMBHIDĀMAGGA*)

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU CỦA DỊCH GIẢ

Paṭisambhidāmagga là tựa đề của tập kinh thứ 12 thuộc *Tiểu bộ*. Chúng tôi đề nghị từ dịch tương đương của tiếng Việt là *Phân tích đạo*. *Magga* (Đạo) ở đây có nghĩa là đường lối, cách thức, nghệ thuật, phương pháp. Về từ *Paṭisambhidā* (Phân tích), chúng tôi ghi nhận đây là danh từ, có cấu trúc như sau: paṭi+sam+√bhid+ā với nghĩa nôm na là “sự chia chẻ toàn diện về một vấn đề nào đó.” “Vấn đề” ở đây là một số giáo lý quan trọng của Phật giáo và “sự chia chẻ toàn diện” là nghệ thuật phân tích được đề cập về bốn khía cạnh: Về ý nghĩa, kết quả, hiệu quả (*attha*); về pháp, nguyên nhân, giáo lý, sự việc (*dhamma*); về ngôn từ, tên gọi (*nirutti*); và về phép biện giải, sự sáng suốt về vấn đề (*paṭibhāna*).

Chú giải của tập kinh này có tên là *Saddhammappakāsinī*. Bài kệ mở đầu của tập *Chú giải* này cho chúng ta biết được tác giả của *Paṭisambhidāmagga* là Ngài Sāriputta (*PsA*. I. 1). Và bài kệ kết thúc xác nhận tập *Chú giải Saddhammappakāsinī* được thực hiện do công của vị Trưởng lão tên là Mahābhaddhāna, ở tại một lầu phòng đã được xây dựng bởi viên quan đại thần tên Uttaramantī thuộc tu viện Mahāvihāra (Tích Lan), và thời điểm được ghi nhận là ba năm sau ngày băng hà của đức Vua Moggallāna (*PsA*. III. 703-04), tính ra ở vào khoảng đầu thế kỷ VI Tây lịch. Vì “*abhidhāna*” là từ đồng nghĩa của “*nāma*” nên tác giả của tập *Chú giải* này được mặc nhiên công nhận là vị Mahānāma. Học giả G. P. Malalasekera, trong tài liệu nghiên cứu “*The Pāli Literature of Ceylon*” (*Nền văn học Pāli của xứ Tích Lan*), còn xác định rằng vị Mahānāma này cũng chính là tác giả của bộ sử thi *Mahāvamsa* của nước Sri Lanka (trang 141).

Về nội dung, tập kinh *Paṭisambhidāmagga* gồm có ba phẩm (*vagga*): *Phẩm Chính yếu* (*Mahāvagga*), *Phẩm Kết hợp chung* (*Yuganaddhavagga*) và *Phẩm Tuệ* (*Paññāvagga*). Mỗi phẩm gồm có mười bài giảng (*kathā*) của mười đề tài khác nhau được trình bày chi tiết và được phân tích theo nhiều khía cạnh, không những về phương diện giáo lý căn bản mà còn đề cập đến phương pháp thực hành trong việc tu tập nữa.

Mở đầu *Phẩm Chính yếu* là phần *Tiêu đề* (*Mātikā*) giới thiệu về 73 loại trí từ phàm đến Thánh, trong số đó đặc biệt 6 loại trí cuối cùng chỉ dành riêng cho đức Phật Chánh Đẳng Chánh Giác mà không phổ biến đến các vị Thánh văn. Các trí này được giải thích ở phần *Giảng về trí* (*Ñānakathā*) kế tiếp. Theo sự hiểu biết của chúng tôi, sự liệt kê đầy đủ về 73 loại trí này chỉ có riêng ở tập

kinh *Paṭisambhidāmagga* (*Phân tích đạo*) mà không được tìm thấy ở nơi nào khác thuộc Tam tạng Pāli. Riêng phần *Giảng về trí* này đã chiếm hết một phần ba của toàn bộ tập kinh *Paṭisambhidāmagga*. Chín chủ đề còn lại giảng giải về các quan điểm sai trái (*diṭṭhi*), về niệm hơi thở vào hơi thở ra (*ānāpānasati*), về các quyền (*indriya*), về sự giải thoát (*vimokkha*), về cõi tái sanh (*gati*), về nghiệp (*kamma*), về sự lầm lạc (*vipallāsa*), về đạo (*magga*) và về tịnh thủy nên được uống (*maṇḍapeyya*).

Phẩm Kết hợp chung (*Yuganaddhavagga*) gồm có 10 đề tài theo thứ tự là các phần giảng về:

- Thiền chỉ tịnh và minh sát (*Yuganaddhakathā*)
- Chân lý (*Saccakathā*)
- Các chi phần đưa đến giác ngộ (*Bojjhaṅgakathā*)
- Tâm từ (*Mettākathā*)
- Sự ly tham ái (*Virāgakathā*)
- Sự phân tích (*Paṭisambhidākathā*)
- Việc chuyển vận bánh xe Chánh pháp (*Dhammacakkakathā*)
- Tối thượng ở thế gian (*Lokuttarakathā*)
- Lực (*Balakathā*)
- Không tánh (*Suññatākathā*)

Phẩm Tuệ (*Paññāvagga*) gồm có mười đề tài giảng về:

- Tuệ (*Paññākathā*)
- Thần thông (*Iddhikathā*)
- Sự lãnh hội (*Abhisamayakathā*)
- Sự viển ly (*Vivekakathā*)
- Hành vi (*Cariyākathā*)
- Phép kỳ diệu (*Pāṭihāriyakathā*)
- Các pháp đứng đầu được tịnh lặng (*Samasīsikathā*)
- Sự thiết lập niệm (*Satipaṭṭhānakathā*)
- Minh sát (*Vipassanākathā*)
- Các tiêu đề (*Mātikākathā*)

Sự trình bày và giảng giải ở tập kinh *Paṭisambhidāmagga* này chi tiết hơn và có nhiều điểm khác biệt so với các tập kinh khác. Đặc biệt, đối với các độc giả chuyên chú về tu tập thiền chỉ tịnh và minh sát, tập kinh này có nhiều tư liệu giúp cho quý vị vững tin hơn trong việc thực hành và không còn có sự lầm lẫn hoặc phân biệt về hai phương pháp tu tập hầu tránh khỏi những sự phân vân hay

tranh luận không cần thiết. Có một số lời giảng về các pháp phát sanh trong lúc tu tập về thiền xét ra rất cần thiết và bổ ích cho các hành giả đang chuyên chú tâm cầu mục đích cao thượng. Đánh giá về nội dung của tập kinh này, có quan điểm cho rằng tập kinh *Paṭisambhidāmagga* có thể được xem như là một tập sách giáo khoa về Phật học của truyền thống *Theravāda*.

Xét về hình thức, tập kinh *Paṭisambhidāmagga* được ghi lại ở thể văn xuôi, rải rác có một số bài kệ được xen vào. Tuy nhiên, do hình thức trình bày với các tiêu đề (*mātikā*) ở phần mở đầu và có sự tương tự về phương thức lý luận nên đã có quan điểm cho rằng tập kinh *Paṭisambhidāmagga* này nên được xếp vào *Tạng Vi diệu pháp (Abhidhammapiṭaka)* thay vì *Tiểu bộ* thuộc tạng Kinh. Ngược lại, cũng có ý kiến cho rằng tập kinh *Paṭisambhidāmagga* đã được sắp xếp vào *Tiểu bộ* thuộc tạng Kinh cũng có thể vì có chứa đựng một số bài kinh được bắt đầu với những câu văn quen thuộc: “*Evam me sutam: Ekam samayaṃ...*” (Tôi đã được nghe như vậy: Một thời,...).

Về khía cạnh dịch thuật, có một số điểm cần được nêu lên như sau: Bản dịch này đã được chúng tôi hoàn tất vào cuối năm 2005 nhưng e ngại không dám phổ biến vì có nhiều nghi vấn chưa được giải quyết xong. Điều khó khăn chủ yếu cho chúng tôi khi ghi lại tiếng Việt cho tập kinh này là việc sử dụng văn tự để mô tả các pháp vô hình vô tướng không thể dùng năm giác quan để quan sát, mà chỉ dùng kiến thức hạn hẹp và sự tu tập thấp thôi để liên hệ và miêu tả lại. Thêm vào đó, việc dùng trí tuệ phàm nhân để diễn tả lại pháp đặc chứng của các bậc Thánh là điều có thể gọi là hồ đồ; vì thế chúng tôi chỉ cố gắng căn cứ vào văn tự và viết lại tiếng Việt theo khả năng hiểu biết về văn phạm của mình. Điều không thể tránh khỏi là những sai sót xảy ra do nguyên nhân này không hẳn là ít. Một điểm khó khăn khác là phải chọn lựa từ dịch Việt cho một số từ vựng có ý nghĩa rất gần gũi với nhau, vấn đề quan trọng là việc chọn lựa ấy phải được thống nhất và phù hợp với nhiều ngữ cảnh xuyên suốt toàn bộ tập kinh; điều này cũng gây ra cho chúng tôi nhiều sự lúng túng và đã để lại nhiều điểm vướng về trong lời dịch Việt của tập kinh này. Có lời đề nghị rằng: “Sau khi hoàn tất bản dịch, nên quên đi câu văn Pāli và trau chuốt lại theo cấu trúc của tiếng Việt.” Vấn đề không đơn giản như vậy, vì sau khi được trau chuốt lại câu văn tiếng Việt mới này lại gợi lên nhiều cách diễn giải khác nữa và xét ra lại xa rời với văn bản gốc Pāli do việc hoán chuyển nhiệm vụ của các loại từ và vị trí các nhóm từ ở trong câu. Thật ra, mục tiêu của chúng tôi là cố gắng hiểu đúng văn bản Pāli và tạo điều kiện cho người khác hiểu được như thế, chúng tôi không đủ sức để vươn đến các tiêu chuẩn cao hơn đối với công việc phiên dịch các văn bản cổ ngữ của Ấn Độ. Một số sai sót trong quá trình phiên dịch đương nhiên không thể tránh khỏi, chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về trình độ yếu kém. Về mọi trường hợp, nếu có những đoạn văn nào kém phần chính xác hoặc không rõ nghĩa, xin quý vị tham khảo văn bản Pāli để hiểu được ý nghĩa của lời Phật dạy một cách tận tường.

Một đôi nơi lời dịch không tương ứng với văn bản Pāli vì các lý do sau: Một số từ đã được dịch theo *Chú giải* để ý nghĩa được rõ ràng, một số phần trùng lặp đã được giản lược nhiều hơn so với văn bản gốc, các phần trùng lặp này được ghi lại bằng ký hiệu... (nt)..., hoặc..., đều có giá trị giống nhau.

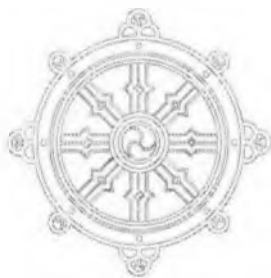
Nhân đây, chúng tôi cũng xin thành tâm tán dương công đức của Ven. Mettāvihārī đã hoan hỷ cho phép chúng tôi sử dụng văn bản đã được phiên âm sẵn đang phổ biến trên mạng internet. Điều này đã tiết kiệm cho chúng tôi nhiều thời gian và công sức trong việc nhận diện mặt chữ và đánh máy, tuy nhiên việc kiểm tra đối chiếu lại với văn bản chánh cũng đã chiếm khá nhiều thời gian.

Cuối cùng, ngưỡng mong phước báu phát sanh trong công việc soạn thảo và ấn tống tập kinh này được thành tựu đến Thầy Tổ, song thân và tất cả chúng sanh trong tam giới. Nguyện cho hết thảy đều được an vui, sức khỏe, có trí tuệ và tinh tấn tu tập ngộ hầu thành đạt cứu cánh giải thoát, chấm dứt khổ đau.

Kính bút,

Ngày 31 tháng 12 năm 2006

Tỳ-khuru Indacanda (Trương Đình Dũng)



A. PHẨM CHÍNH YẾU (MAHĀVAGGO)

TIÊU ĐỀ

1. Tuệ (*paññā*) về sự ghi nhận ở tai là trí (*ñāṇam*) về yếu tố tạo thành điều đã được nghe.
2. Sau khi đã nghe, tuệ về sự thu thúc là trí về yếu tố tạo thành giới.
3. Sau khi đã thu thúc, tuệ về sự tập trung là trí về yếu tố tạo thành việc tu tập định.
4. Tuệ về việc nắm giữ duyên là trí về sự hiện diện của các pháp.
5. Sau khi đã tổng hợp các pháp trong quá khứ, hiện tại và vị lai, tuệ về sự xác định là trí về sự thấu hiểu.
6. Tuệ về việc quán xét sự chuyển biến của các pháp đang hiện hữu là trí về việc quán xét sự sanh diệt.
7. Sau khi đã phân biệt rõ đối tượng, tuệ về việc quán xét sự tan rã là trí về minh sát.
8. Tuệ về sự thiết lập của kinh hãi là trí về điều tai hại.
9. Tuệ về sự mong muốn giải thoát, về sự phân biệt rõ, và về sự bình thản là trí về các trạng thái xả đối với các pháp hữu vi.
10. Tuệ về sự thoát ra và ly khai ngoại phần là trí chuyên tộc.
11. Tuệ về sự thoát ra và ly khai cả hai [nội ngoại phần] là trí về đạo.
12. Tuệ về sự tĩnh lặng của việc thực hành là trí về quả.
13. Tuệ về việc quán xét phiền não đã được cắt lìa là trí về giải thoát.
14. Tuệ về việc nhìn thấy các pháp đã được khởi lên vào khi ấy là trí về việc quán xét lại.
15. Tuệ về việc xác định nội phần là trí về tính chất khác biệt của các vật nương.
16. Tuệ về việc xác định ngoại phần là trí về tính chất khác biệt của các hành xứ.
17. Tuệ về việc xác định hành vi là trí về tính chất khác biệt của các hành vi.
18. Tuệ về việc xác định bốn pháp là trí về tính chất khác biệt của các lãnh vực.
19. Tuệ về việc xác định chín pháp là trí về tính chất khác biệt của các pháp.

20. Tuệ về sự biết rõ là trí về ý nghĩa của điều đã được biết.
21. Tuệ về sự biết toàn diện là trí về ý nghĩa của quyết đoán.
22. Tuệ về sự dứt bỏ là trí về ý nghĩa của buông bỏ.
23. Tuệ về sự tu tập là trí về ý nghĩa của nhất vị.
24. Tuệ về sự tác chứng là trí về ý nghĩa của sự chạm đến.
25. Tuệ về tính chất khác biệt của các ý nghĩa là trí về sự phân tích các ý nghĩa.
26. Tuệ về tính chất khác biệt của các pháp là trí về sự phân tích các pháp.
27. Tuệ về tính chất khác biệt của các ngôn từ là trí về sự phân tích các ngôn từ.
28. Tuệ về tính chất khác biệt của các phép biện giải là trí về sự phân tích các phép biện giải.
29. Tuệ về tính chất khác biệt của các sự an trú là trí về ý nghĩa của các sự an trú.
30. Tuệ về tính chất khác biệt của các sự chứng đạt là trí về ý nghĩa của các sự chứng đạt.
31. Tuệ về tính chất khác biệt của các sự an trú và chứng đạt là trí về ý nghĩa của các sự an trú và chứng đạt.
32. Tuệ về sự đoạn trừ các lậu hoặc do tính chất hoàn toàn trong sạch của sự không tàn mạn là trí về định không gián đoạn.
33. Là pháp chủ đạo ở việc nhận thức và có sự an trú đặc chứng thanh tịnh, tuệ có khuynh hướng cao quý là trí về sự an trú không uế nhiễm.
34. Tuệ có tính chất hội đủ với hai lực và có ưu thế với sự tịnh lặng của ba hành, với mười sáu hành vi của trí, và với chín hành vi của định là trí về sự chứng đạt thiên diệt.
35. Tuệ về sự chấm dứt việc vận hành ở vị có sự nhận biết rõ rệt là trí về sự viên tịch Niết-bàn.
36. Tuệ có tính chất không thiết lập ở sự đoạn trừ hoàn toàn và ở sự diệt tận đối với tất cả các pháp là trí về ý nghĩa của các pháp đứng đầu được tịnh lặng.
37. Tuệ về sự chấm dứt các quyền lực riêng biệt có bản chất khác nhau hoặc giống nhau là trí về ý nghĩa của việc dứt trừ.
38. Tuệ về ý nghĩa của việc ra sức có trạng thái không thôi giảm và có tính năng động là trí về việc khởi sự tinh tấn.
39. Tuệ làm sáng tỏ các pháp khác biệt là trí về sự trực nhận ý nghĩa.
40. Tuệ về sự thấu triệt tính tổng hợp chung và về bản chất khác nhau hoặc giống nhau của tất cả các pháp là trí về sự thanh tịnh trong việc nhận thức.
41. Tuệ với trạng thái đã được biết là trí về việc chấp nhận.
42. Tuệ với trạng thái đã được chạm đến là trí về sự thâm nhập.

43. Tuệ về sự phối hợp lại là trí về sự an trú vào các lãnh vực.
44. Tuệ với trạng thái chủ đạo là trí về sự ly khai do tưởng.
45. Tuệ về bản chất khác nhau là trí về sự ly khai do suy nghĩ.
46. Tuệ về sự khẳng định là trí về sự ly khai do tâm.
47. Tuệ về không tánh là trí về sự ly khai do trí.
48. Tuệ về sự xả ly là trí về sự ly khai do giải thoát.
49. Tuệ về ý nghĩa của thực thể là trí về sự ly khai do sự thật.
50. Với sự xác định cả thân lẫn tâm là một, tuệ về ý nghĩa của sự thành tựu do năng lực của sự chú nguyện lạc tướng và khinh tướng là trí về thể loại của thân thông.
51. Tuệ về sự thâm nhập các hiện tướng âm thanh có bản chất khác nhau hoặc giống nhau bằng cách triển khai tâm là trí thanh tịnh của nhĩ giới.
52. Với tính chất triển khai của ba loại tâm, tuệ về sự thâm nhập các hành vi của thức có bản chất khác nhau hoặc giống nhau bằng năng lực tự tin của các quyền là trí biết được tâm.
53. Tuệ về sự thâm nhập bằng năng lực triển khai các nghiệp có bản chất khác nhau hoặc giống nhau đối với các pháp có sự vận hành do duyên là trí nhớ về các kiếp sống trước.
54. Tuệ về ý nghĩa của việc nhìn thấy các hiện tướng của sắc có bản chất khác nhau hoặc giống nhau nhờ vào năng lực của ánh sáng là trí về thiên nhãn.
55. Tuệ về chủ thể đối với ba quyền theo sáu mươi bốn biểu hiện là trí về sự đoạn tận của các lậu hoặc.
56. Tuệ về ý nghĩa biết toàn diện là trí về khô.
57. Tuệ về ý nghĩa dứt bỏ là trí về nhân sanh [khô].
58. Tuệ về ý nghĩa tác chứng là trí về sự diệt tận [khô].
59. Tuệ về ý nghĩa tu tập là trí về đạo.
60. Trí về khô.
61. Trí về nhân sanh khô.
62. Trí về sự diệt tận khô.
63. Trí về sự thực hành đưa đến sự diệt tận khô.
64. Trí về sự phân tích ý nghĩa.¹
65. Trí về sự phân tích pháp.²
66. Trí về sự phân tích ngôn từ.
67. Trí về sự phân tích phép biện giải.

¹ *Tattha attho'ti saṅkhepato hetuphalam* (PsA. I. 3): Trong trường hợp ấy, “ý nghĩa” nói gọn lại là nhân quả.

² *Dhammo'ti saṅkhepato paccayo* (Sđđ.): “Pháp” nói gọn lại là duyên.

- 68. Trí biết được khả năng của người khác về các quyền.
- 69. Trí về thiên kiến và xu hướng ngủ ngầm của chúng sanh.
- 70. Trí về song thông.
- 71. Trí về sự thể nhập đại bi.
- 72. Trí toàn giác.
- 73. Trí không bị ngăn che.

Đây là bảy mươi ba loại trí. Trong số bảy mươi ba loại trí này, sáu mươi bảy loại trí là phổ thông đến các vị Thánh văn, sáu loại trí (68-73) là không phổ thông đến các vị Thánh văn.

Dứt phần Tiêu đề.

